

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định một số mức chi các kỳ thi, hội thi và chế độ  
của ngành giáo dục và đào tạo tỉnh An Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 04 năm 2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 90/TTr-SGDĐT ngày 19 tháng 03 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này một số mức chi các kỳ thi, hội thi và chế độ của ngành giáo dục và đào tạo tỉnh An Giang (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2014 và thay thế Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 28/12/2006, Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 27/03/2009, Công văn số 1343/UBND-VX ngày 10/05/2011, Công văn số 1425/UBND-VX ngày 16/05/2011, Công văn số 1945/UBND-VX ngày 30/06/2011 và Công văn số 1774/VPUBND-VX ngày 11/09/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. K

**Nơi nhận:**

- TT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- CVP, PCVP (Khối VX);
- Phòng: VHXH, TH;
- Website VPUBND tỉnh;
- Lưu: HC-TC.

(Kèm theo Phụ lục)



**KT. CHỦ TỊCH  
HỒ VIẾT HIỆP**

**Hồ Viết Hiệp**

## NỘI DUNG VÀ MỨC CHI KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

(Kèm theo Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	<b>Ra bộ đề thi : (Chính thức, dự bị, đáp án, phân biện đề thi)</b>			Mỗi bộ đề có 1 người ra đề, 2 người phân biện
	- Chi cho cán bộ ra đề thi và phân biện đề thi			
	+ Đề trắc nghiệm	Người/ngày	150	Tối đa không quá 1.500/bộ đề/môn THPT; 1.800/bộ đề/môn đối với THPT chuyên
	+ Đề tự luận, tự luận kết hợp với trắc nghiệm	Người/ngày	250	Tối đa không quá 2.500/bộ đề/môn đối với THPT; 3.000/bộ đề/môn đối với THPT
2	<b>Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng ra đề:</b>			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	175	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	140	
3	<b>Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng in sao</b>			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	150	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	130	
	+ Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Người/ngày	105	
	+ Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	60	
4	<b>Tổ chức coi thi:</b>			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	135	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	125	
	+ Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	105	
	+ Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ ở tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm	Người/ngày	50	
5	<b>Tổ chức chấm thi, phúc khảo</b>			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	150	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	125	
	+ Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	105	
	+ Bảo vệ, nhân viên phục vụ tại địa điểm chấm thi	Người/ngày	60	
	+ Chấm bài (tự luận, tự luận kết hợp trắc nghiệm)	Bài	8	
	+ Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	175	
	+ Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	Người/đợt	115	
	+ Cán bộ chấm phúc khảo bài thi	Người/ngày	100	
6	<b>Thanh tra thi :</b>			
	- Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi			
	+ Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	150	
	+ Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	105	
	+ Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	125	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

## PHỤ LỤC 2

## MỨC CHI CÁC KỲ THI HỌC SINH GIỎI VĂN HÓA VÀ THÍ NGHIỆM THỰC HÀNH CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, TRUNG HỌC CƠ SỞ, TIỂU HỌC, MẦM NON

(Kèm theo Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

\* Cấp huyện bằng 70% cấp tỉnh

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Ra bộ đề thi: (Chính thức, dự bị, đáp án, phản biện đề thi)			Mỗi bộ đề có 1 người ra đề, 2 người phản biện
	- Chi cho cán bộ ra đề thi và phản biện đề thi			
	+ Đề tự luận, trắc nghiệm, thực hành	Người/ngày	375	Tối đa không vượt quá 3.500đ/bộ đề/môn
2	Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng ra đề:			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	175	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	140	
3	Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng sao in đề:			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	150	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	130	
	+ Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Người/ngày	105	
	+ Phục vụ, Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	60	
4	Tổ chức coi thi:			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	135	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	125	
	+ Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	105	
	+ Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ ở tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc	Người/ngày	50	
5	Tổ chức chấm thi, phúc khảo			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	150	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	125	
	+ Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	105	
	+ Bảo vệ, nhân viên phục vụ tại địa điểm chấm	Người/ngày	60	
	+ Chấm bài (Tự luận, nói, thực hành):			
	* HS Giỏi			
	- THPT	Bài	35	
	- Tiểu học, THCS (70% THPT)	Bài	25	
	*Chọn đội tuyển dự thi HSGQG	Bài	45	
	+ Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	175	
	+ Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	Người/đợt	115	
	+ Cán bộ chấm phúc khảo bài thi	Người/ngày	80	
6	Thanh tra thi			
	- Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi			
	+ Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	150	
	+ Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	105	
	+ Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	125	

## NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CÁC HỘI THI PHONG TRÀO CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG, MẦM NON

(Kèm theo Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

\* Cấp huyện bằng 70% cấp tỉnh

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi các hội thi phong trào	Ghi chú
1	<b>Ra bộ đề thi : (Chính thức, dự bị, đáp án, phân biên đề thi)</b>			Mỗi bộ đề có 1 người ra đề, 2 người phân biên
	- Chi cho cán bộ ra đề thi và phân biên đề thi			
	+ Đề lý thuyết (trắc nghiệm)	Người/ngày	105	Tối đa không quá 1.000/bộ đề/môn
	+ Đề thực hành	Người/ngày	125	Tối đa không quá 1.200/bộ đề/môn
2	<b>Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng ra đề:</b>			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	125	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	100	
3	<b>Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng sao in đề:</b>			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	105	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	90	
	+ Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Người/ngày	75	
	+ Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	45	
4	<b>Tổ chức coi thi:</b>			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	105	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	90	
	+ Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	75	
	+ Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ ở tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc	Người/ngày	45	
5	<b>Tổ chức chấm thi</b>			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	105	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	90	
	+ Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	75	
	+ Bảo vệ, nhân viên phục vụ tại địa điểm chấm thi	Người/ngày	45	
	+ Chấm bài (tự luận, tự luận kết hợp trắc nghiệm)	Bài	20	
	+ Chấm bài thực hành	Bài	20	
	+ Chấm phần mềm (Tin học)	Sản phẩm	35	
	+ Chấm tiêu phẩm	Tiêu phẩm	100	
	+ Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	125	
	+ Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	Người/đợt	85	
6	<b>Thanh tra thi :</b>			
	- Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi			
	+ Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	105	
	+ Đoàn viên đoàn thanh tra	Người/ngày	75	
	+ Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	90	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

**MỨC CHI CÁC HỘI THI GIÁO VIÊN GIỎI CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ VÀ CÁC HỘI THI KHÁC  
CỦA GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG, MẦM NON**

*(Kèm theo Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Giáo viên dạy giỏi, Chủ nhiệm giỏi, Cán bộ Đoàn, Đội, Thư viện Giỏi, Viết chữ đẹp, đúng...</b>			
<b>1</b>	<b>Ra bộ đề thi : (Chính thức, dự bị, đáp án, phản biện đề thi)</b>			Mỗi đề có 01 người ra đề, 02 người phản biện
	- Chi cho cán bộ ra đề thi và phản biện đề thi			
	+ Đề tự luận; đề thực hành	Người/ngày	250	Tối đa không vượt quá 2.500/bộ đề/môn
	+ Đề trắc nghiệm	Người/ngày	150	Tối đa không vượt quá 1.500/bộ đề/môn
<b>2</b>	<b>Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng ra đề:</b>			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	175	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	140	
<b>3</b>	<b>Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng sao in đề:</b>			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	150	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	130	
	+ Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Người/ngày	105	
	+ Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	60	
<b>4</b>	<b>Tổ chức coi thi:</b>			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	135	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	125	
	+ Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	105	
	+ Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ ở tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc	Người/ngày	50	
<b>5</b>	<b>Tổ chức chấm thi:</b>			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	150	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	125	
	+ Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	105	
	+ Bảo vệ, nhân viên phục vụ tại địa điểm chấm thi	Người/ngày	60	
	+ Chấm bài tự luận (lý thuyết):			
	- THPT	Bài	32	
	- THCS, TH, MN	Bài	25	
	+ Chấm bài thực hành GV dạy giỏi			1 GV dự thi dạy 2 tiết, 3 GK chấm, tính ra 1 GK chấm 1 tiết dạy 50 đến 70
	- THPT	1 Gv thi	420	
	- THCS	1 Gv thi	420	
	- Tiểu học	1 Gv thi	360	
	- Mầm non	1 Gv thi	300	
	+ Chấm bài thực hành CB thư viện Giỏi, Đoàn, Đội Giỏi, GV viết chữ đẹp và đúng.			
	- THCS, THPT	1 Gv thi	200	
	- Tiểu học	1 Gv thi	160	
	+ Chấm bài trắc nghiệm (các cấp học)	Bài	20	
<b>6</b>	<b>Thanh tra thi</b>			

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
	- Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi			
	+ Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	150	
	+ Đoàn viên đoàn thanh tra	Người/ngày	105	
	+ Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	125	
	<b>Chế độ cấp huyện bằng 80% cấp tỉnh. Chế độ cấp trường bằng 50% cấp tỉnh.</b>			
II	Thi viết Sáng kiến kinh nghiệm, làm Đồ dùng dạy học			
	- Tổ chức chấm thi			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	150	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	125	
	+ Thư ký	Người/ngày	105	
	+ Nhân viên phục vụ tại địa điểm chấm thi	Người/ngày	60	
	+ Giám khảo ĐDDH	Sản phẩm	240	
	+ Giám khảo SKNN	Sáng kiến	240	
	<b>Chế độ cấp huyện bằng 70% cấp tỉnh. Chế độ cấp trường bằng 50% cấp tỉnh.</b>			

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

## MỘT SỐ MỨC CHI KHÁC THUỘC CÁC KỲ THI, HỘI THI

(Kèm theo Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

\* Cấp huyện bằng 70% cấp tỉnh

\* Cấp trường bằng 50% cấp tỉnh

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức	Chi chú
1	Chi hỗ trợ tiền ăn cho CB in sao đề trong thời gian bị cách ly: Thi tuyển sinh 10, thi TN.THPT	Người/ngày	140	
2	- Thu, kiểm tra hồ sơ thi, nhập dữ liệu tại trường	Hồ sơ	3	
3	- Kiểm tra hồ sơ, xử lý dữ liệu tại Sở, Phòng GDDT	Phòng thi	30	
4	Hội đồng xét duyệt tốt nghiệp THCS, THPT, tuyển sinh 10			
	+ Chủ tịch, phó chủ tịch	Người/ngày	115	
	+ Thư ký và các ủy viên	Người/ngày	95	
5	Ban Chỉ đạo kỳ thi TN.THPT, Ban Tuyển sinh vào lớp 10 cấp tỉnh, bộ phận phục vụ	Người/ngày		
	- Trưởng ban	Người/ngày	250	
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	200	
	- Ủy viên	Người/ngày	150	
	- Phục vụ	Người/ngày	80	
6	Phụ cấp thành viên Hội đồng bộ môn			
	+ Lãnh đạo HĐBM (Tổ phó trở lên)	Người/tháng	250	
	+ Ủy viên	Người/tháng	200	
7	Hội Khỏe phù đồng, Hội thi TDTT cấp tỉnh			
	Tập luyện			
	+ Tiền ăn	Người/ngày	80	
	Thi đấu			
	+ Tiền ăn	Người/ngày	120	
	+ Tiền nghỉ	Người/ngày	120	
	+ Trọng tài, giám sát, người chăm chọn.	Người/ngày	100	
	+ Ban tổ chức	Người/ngày	70	
	+ Phục vụ	Người/ngày	50	
8	Hội thi Văn nghệ, Ca múa nhạc, Liên hoan thiếu nhi kể chuyện Bác Hồ cấp tỉnh			
	Tập luyện			
	+ Tiền ăn	Người/ngày	80	
	Thi diễn			
	+ Tiền ăn	Người/ngày	120	
	+ Tiền nghỉ	Người/ngày	120	
	+ Giám khảo làm việc ban ngày	Người/buổi	120	
	+ Giám khảo làm việc buổi tối	Người/buổi	250	
	+ Ban tổ chức	Người/ngày	70	
	+ Phục vụ	Người/ngày	50	
9	Hội Khỏe phù đồng, Hội thi TDTT, Hội diễn, Liên hoan văn nghệ cấp khu vực và toàn quốc			
	Tập luyện			
	+ Tiền ăn	Người/ngày	120	
	+ Tiền nghỉ	Người/ngày	150	
	Thi đấu (diễn)			
	+ Tiền ăn	Người/ngày	120	
	+ Tiền nghỉ	Người/ngày	150	

**CHI KHEN THƯỞNG CÁC HỘI THI VĂN NGHỆ, HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG  
HỘI THAO GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**

*(Kèm theo Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)*

\* Cấp huyện bằng 70% cấp tỉnh

\* Cấp trường bằng 50% cấp tỉnh

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Định mức	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội thi văn nghệ, hội khỏe phù đổng, thể dục thể thao, hội thao</b>		
<b>1</b>	<b>Hội thi văn nghệ, ca múa nhạc cấp tỉnh</b>		
	<b>Tiền thưởng</b>		
<b>a</b>	<b>- Giải đơn ca</b>		
	+ Huy chương vàng	150	
	+ Huy chương bạc	100	
	+ Huy chương đồng	80	
<b>b</b>	<b>- Giải song ca, tốp ca, tiểu phẩm hài, dàn dựng, ban nhạc, sáng tác</b>		
	+ Huy chương vàng	320	
	+ Huy chương bạc	240	
	+ Huy chương đồng	160	
<b>c</b>	<b>- Giải múa</b>		
	+ Huy chương vàng	1,200	
	+ Huy chương bạc	800	
	+ Huy chương đồng	650	
<b>d</b>	<b>Giải toàn đoàn</b>		
	+ Huy chương vàng	2,400	
	+ Huy chương bạc	1,600	
	+ Huy chương đồng	800	
<b>2</b>	<b>Hội khỏe Phù đổng, hội thi thể dục thể thao cấp tỉnh</b>		
	<b>Tiền thưởng</b>		
<b>a</b>	<b>- Giải cá nhân</b>		
	+ Huy chương vàng	150	
	+ Huy chương bạc	100	
	+ Huy chương đồng	80	
<b>b</b>	<b>- Giải đôi, đồng đội, tiếp sức</b>		
	+ Huy chương vàng	320	
	+ Huy chương bạc	240	
	+ Huy chương đồng	160	
<b>c</b>	<b>- Giải các môn trên 5 người, bóng đá 5x5, bóng đá</b>		
	+ Huy chương vàng	1,200	
	+ Huy chương bạc	800	
	+ Huy chương đồng	650	
<b>d</b>	<b>- Giải bóng chuyền 3 người</b>		
	+ Huy chương vàng	600	
	+ Huy chương bạc	400	
	+ Huy chương đồng	320	



<b>đ</b>	<b>- Giải toàn đoàn</b>		
	+ Huy chương vàng		3,000
	+ Huy chương bạc		2,000
	+ Huy chương đồng		1,000
<b>3</b>	<b>Hội khỏe Phù đồng cấp khu vực, toàn quốc (tham dự ngoài tỉnh)</b>		
	<b>Tiền thưởng</b>		
<b>a</b>	<b>- Giải cá nhân</b>		
	+ Huy chương vàng		500
	+ Huy chương bạc		400
	+ Huy chương đồng		300
<b>b</b>	<b>- Giải đôi, đồng đội, tiếp sức</b>		
	+ Huy chương vàng		1,000
	+ Huy chương bạc		800
	+ Huy chương đồng		500
<b>c</b>	<b>- Giải các môn trên 5 người</b>		
	+ Huy chương vàng		5,000
	+ Huy chương bạc		4,000
	+ Huy chương đồng		3,000

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG,  
THCS, TIỂU HỌC MẦM NON**

*(Kèm theo Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2014  
của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)*

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Định mức	Ghi chú
1	<b>Khen thưởng hoạt động phong trào: Viết sáng kiến kinh nghiệm; Tự làm đồ dùng dạy học; Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh</b>		
	- Giải A	800	
	- Giải B	600	
	- Giải C	400	
	- Giải khuyến khích	200	
2	<b>Khen thưởng giáo viên có học sinh giỏi lớp 12, giỏi thực hành thí nghiệm cấp tỉnh</b>		
	- Giải A	800	
	- Giải B	600	
	- Giải C	400	
	- Giải khuyến khích	200	
3	<b>Khen thưởng học sinh giỏi lớp 12, giỏi thực hành thí nghiệm cấp tỉnh</b>		
	- Giải A	800	
	- Giải B	600	
	- Giải C	400	
	- Giải khuyến khích	200	
4	<b>Khen thưởng học sinh đạt danh hiệu "Danh dự toàn trường"</b>		
	- Tiểu học	500/1 phần thưởng	
	- Trung học cơ sở	800/1 phần thưởng	
	- Trung học phổ thông	1,000/1 phần thưởng	
5	<b>Khen thưởng học sinh xuất sắc, tiêu biểu cuối năm học</b>		
	- Mầm non	300/1 lớp/3 học sinh	
	- Tiểu học	400/1 lớp/3 học sinh	
	- Trung học cơ sở	500/1 lớp/3 học sinh	
	- Trung học phổ thông	600/1 lớp/3 học sinh	
6	<b>Khen thưởng giáo viên có học sinh đạt giải: Học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 5, lớp 9; giải toán bằng máy tính bỏ túi cấp tỉnh</b>		
	- Giải A	800	
	- Giải B	600	
	- Giải C	400	
	- Giải khuyến khích	200	

7	<b>Khen thưởng học sinh đạt giải: Học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 5, lớp 9; giải toán bằng máy tính bỏ túi cấp tỉnh; giải Toán trên Internet cấp tỉnh; Olympic tiếng Anh trên Internet cấp tỉnh.</b>		
	- Giải A	800	
	- Giải B	600	
	- Giải C	400	
	- Giải khuyến khích	200	
8	<b>Khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải trong các hội thi cấp tỉnh: Cán bộ thư viện giỏi; Sáng tác cho bé; Ứng dụng công nghệ thông tin; Thiếu nhi An Giang kể chuyện Bác Hồ</b>		
	- Giải A	800	
	- Giải B	600	
	- Giải C	400	
	- Giải khuyến khích	200	

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

## QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2014  
của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

TT	Nội dung chi	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chế độ minh họa (thao giảng, dạy mẫu)</b>	
a	Cán bộ, giáo viên trực tiếp minh họa	
	- Mầm non: 80.000 đồng/tiết	
	- Tiểu học: 90.000 đồng/tiết	
	- Trung học cơ sở: 100.000 đồng/tiết	
	- THPT, THCN: 120.000 đồng/tiết	
b	Cán bộ, giáo viên khi tham gia xây dựng, thiết kế tiết minh họa được tính bằng 50% tiết thao giảng và được thanh toán tối đa cho 2 cán bộ, giáo viên	
<b>2</b>	<b>Giáo viên tiểu học được phân công dạy 2 buổi/ngày được thực hiện theo chế độ thêm giờ, buổi</b>	
<b>3</b>	<b>Chế độ trang phục</b>	
a	Tổng phụ trách Đội các trường tiểu học, THCS, Trẻ em khuyết tật, Dân tộc nội trú được cấp trang phục 1 bộ/năm	
b	Nhân viên (giáo viên) phụ trách thiết bị - thí nghiệm của các trường THCS, THPT được trang bị trang phục (gồm: áo blouse trắng, mũ vải, găng tay, giày, khẩu trang): 2 bộ/năm.	
c	Bảo vệ cơ quan được trang bị mỗi năm 2 bộ đồng phục (áo, quần âu phục)	
<b>4</b>	<b>Cán bộ quản lý và giáo viên ở các trường hòa nhập trẻ khuyết tật được hưởng chế độ thêm giờ, buổi trong 9 tháng/năm học, như sau:</b>	
a	Giáo viên dạy hòa nhập trẻ khuyết tật	
	- Giáo viên mầm non: 1 buổi/tuần	
	- Giáo viên tiểu học: 3 tiết/tuần.	
b	Cán bộ quản lý phụ trách hòa nhập (Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo, quản lý dạy hòa nhập)	
	- Trường mầm non: 2 buổi/tháng	
	- Trường tiểu học: 4 tiết/tháng	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG